

18<sup>th</sup> May 2013

# 日本企業文化講座

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

～日本のこころ、ものづくりのこころ～

★Tinh thần Nhật Bản – Tinh thần công nghệ chế tạo★

Lac Hong University

Fumio Okita

[okita@ofc-okita.com](mailto:okita@ofc-okita.com)

<http://www.ofc-okita.com>

◎1972-2002 chủ yếu phụ trách công việc: xây dựng và phát triển ở nước ngoài tại công ty MARUBENI, phụ trách dự án cơ sở hạ tầng ở Trung Đông và phát triển các khu công nghiệp ở châu Á.

1972-2002 丸紅(株)で主として海外の開発建設案件担当 中東のインフラ・プロジェクト、アジアの工業団地開発等を担当

◎2003 mở công ty riêng, hiện tại chuyên tư vấn kinh doanh về giao dịch và đầu tư trực tiếp tại nước ngoài của các công ty vừa và nhỏ. Nhiều lần nói chuyện và tham gia các hội thảo liên quan đến những nước đang phát triển.

2003年に独立し、現在は中小企業のFDIや海外取引などを中心とした経営コンサルタント開業。新興国関連のセミナー、講演なども多数行っている

◎2007 tiến hành khảo sát các khu công nghiệp ở VN.

ベトナムでは2007年に工業団地の調査を行った

◎2009-2012 phụ trách giảng dạy các khóa học Văn hóa Doanh nghiệp Nhật Bản tại 2 trường đại học.

2009～12年にかけて、日本企業文化講座を、ホーチミンの2大学で担当した

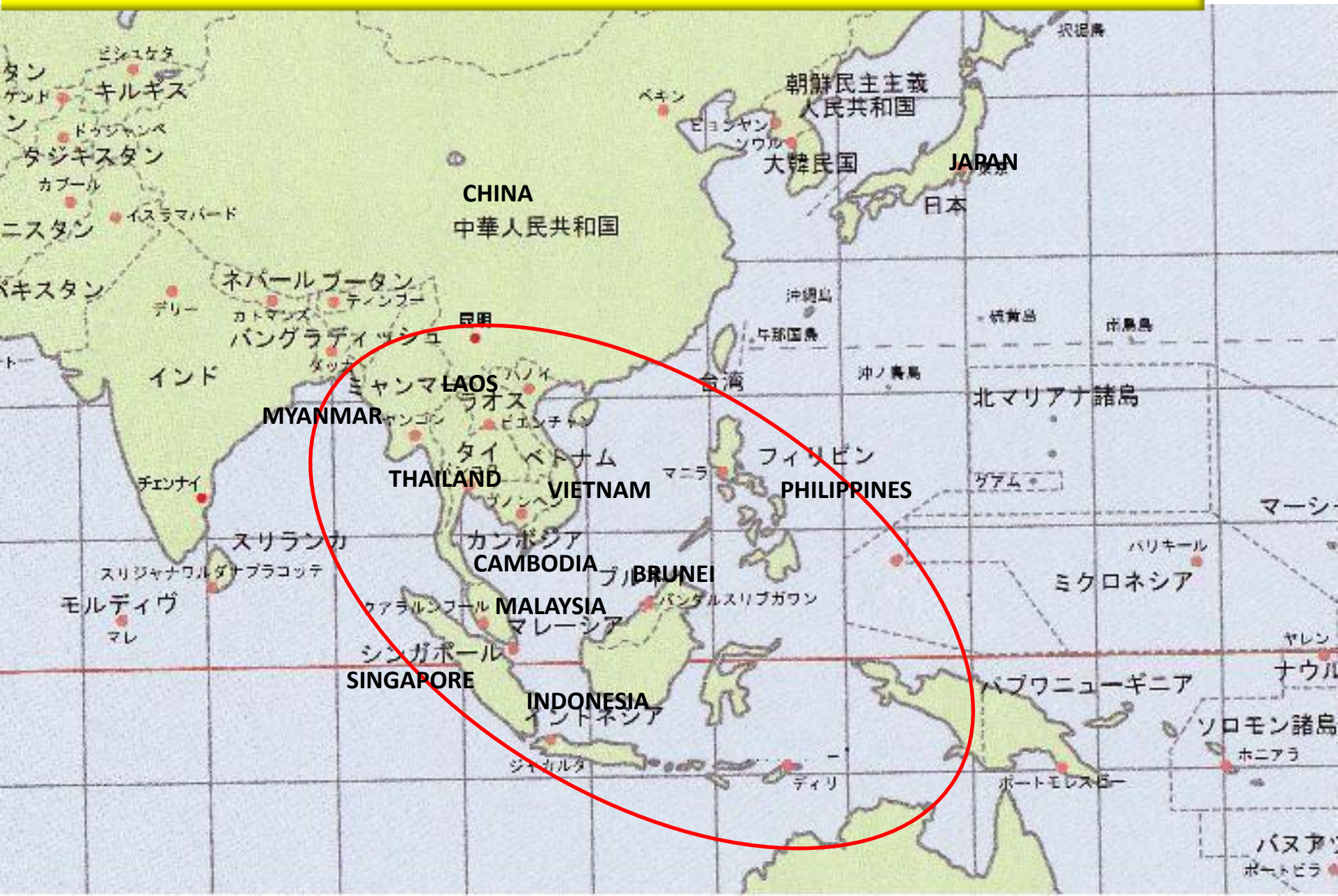
◎Tác giả 'Diện mạo BRICs và NEXT11', 'Năm bắt nhanh các nước NEXT11' (NXB PHP: viết chung), ngoài ra còn nhiều lần viết bài cho báo và tạp chí.

著書『BRICsとNEXT11のすべて』『NEXT11がみるみるわかる本』(PHP出版:共著)、他に雑誌・新聞への投稿等多数

◎Web-side <http://www.ofc-okita.com> Facebook /fumio.okita

1. ベトナムと日本 Việt Nam và Nhật Bản
2. 日本企業文化とは Thế nào là văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản
3. 日本式経営論 Kinh doanh kiểu Nhật
4. 三現主義と改善 Chủ nghĩa “3 hiện” (3 gen) và cải tiến (KAIZEN)
5. 日本の長寿企業とその家訓・社訓  
Những doanh nghiệp lâu năm tại Nhật Bản và những huấn thị trong nội bộ gia tộc/ doanh nghiệp
6. 日本企業の期待するリーダー像  
Hình ảnh lãnh đạo được kỳ vọng trong doanh nghiệp Nhật Bản
7. 日本企業が求めている人材 Những nhân viên công ty Nhật cần

# 1. ベトナムと日本 Việt Nam và Nhật Bản



# 1. ベトナムと日本 Việt Nam và Nhật Bản

		Vietnam	Japan
人口 Dân số	(百万人) (triệu người)	90	128
国土 Diện tích	(1,000 m2)	332	378
GDP	(十億ドル) (US\$ billion)	138	5,964
一人当たりGDP GDP đầu người	(ドル) (US\$)	1,528	46,736
GDP成長率 Tăng trưởng GDP (%)		5.0	2.0

Source: IMF World Economy Outlook Apr. 2013 and Japanese governmental information

# 1. ベトナムと日本

Việt Nam và Nhật Bản

GDP 産業別比較  
GDP so sánh theo lĩnh vực

	Vietnam	Japan
<b>農林水産業</b> Nông lâm thủy sản	<b>15.9%</b>	<b>1.2%</b>
<b>うち農林業</b> Tính riêng nông lâm	<b>13.4%</b>	<b>1.1%</b>
<b>鉱工業</b> Mỏ, công nghiệp	<b>29.2%</b>	<b>21.2%</b>
<b>うち製造業</b> Tính riêng sản xuất	<b>25.2%</b>	<b>21.2%</b>
<b>第3次産業ほか</b> Các ngành khác	<b>54.9%</b>	<b>77.6%</b>
<b>うち商業</b> Tính riêng thương nghiệp	<b>17.0%</b>	<b>13.0%</b>

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2010( Tiêu chuẩn 1994)  
Kế toán kinh tế quốc dân (tiêu chuẩn 2005) Bộ Nội chính Nhật Bản  
2011

## 2. 日本企業文化 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

### 文化とは？ Văn hóa là gì？

宗教、言語、歴史、価値観、習慣、制度などの共通した要素をもつグループとして一体化したもの (Samuel P. Huntington)

Văn hóa là một nhóm các yếu tố chung có tính nhất quán, thể hiện trong tôn giáo, ngôn ngữ, lịch sử, giá trị quan, tập quán, chế độ... (Samuel P. Huntington)

### 企業文化とは？ Thế nào là văn hóa doanh nghiệp？

その企業の構成員が共有する価値観、習慣、言語、パラダイムなどの総称

Văn hóa doanh nghiệp là những yếu tố chung trong triết lý kinh doanh, ngôn ngữ sử dụng trong công ty, lịch sử, giá trị quan, tập quán, chế độ... của doanh nghiệp. Và những yếu tố chung này trở thành nhận thức chung của các thành viên trong doanh nghiệp.

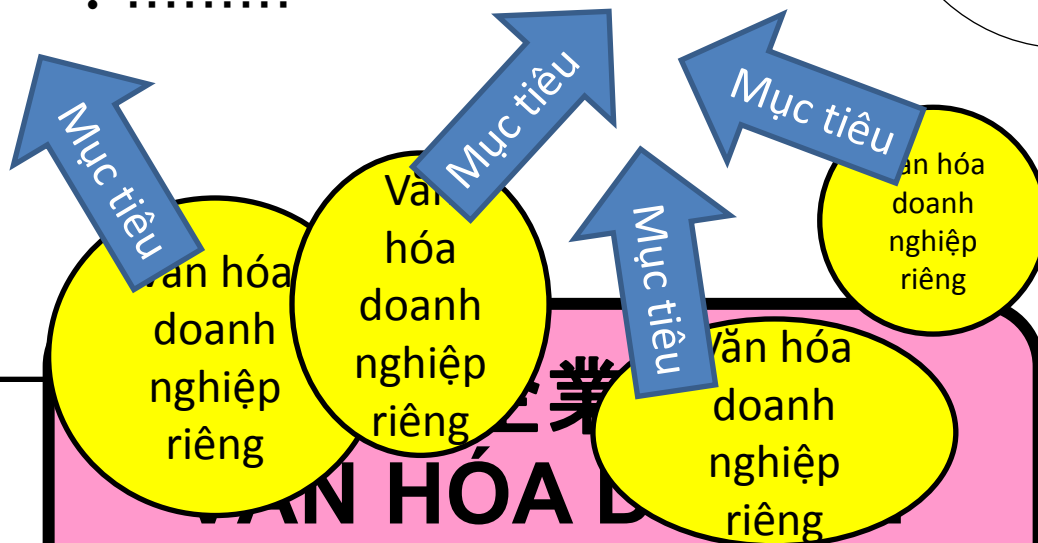
## 2. 日本企業文化 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

戦略、戦術、企画  
Chiến lược, chiến  
thuật, kế hoạch

- Chiến lược kinh doanh
- Chiến lược, kế hoạch nhân sự
- Chiến lược sản phẩm, bán hàng
- Quản lý sản xuất, chất lượng
- Chính sách thị trường, chiến lược thương hiệu
- .....
- .....

Công cụ

5S  
KAIZEN  
QCC  
Ho-Ren-So  
.....  
.....



日本文化  
VĂN HÓA NHẬT BẢN



### 3. 日本式經營論 Kinh doanh kiểu Nhật

傳統的日本的經營論

Kinh doanh kiểu Nhật truyền thống

Ba trụ cột chính

- 長期雇用(終身雇用)  
Tuyển dụng dài hạn (tuyển dụng suốt đời)
- 年功序列 Chế độ thâm niên **Công ty là gia đình**
- 企業内組合 Công đoàn trong công ty

Tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp là gì?

### 3. 日本式経営論 Kinh doanh kiểu Nhật

Key-word

Từ khóa

- チームワーク      Làm việc tập thể
- プロセスの重要性      Sự quan trọng của quy trình
- ものづくりのこころ      Tinh thần của công nghệ chế tạo

Liên tục

# 3. 日本式経営論 Kinh doanh kiểu Nhật

## Quá trình thay đổi trong kinh doanh kiểu Nhật

日本的経営の特徴 Đặc trưng kinh doanh kiểu Nhật	変化と方向性 Sự thay đổi và định hướng
<b>終身雇用(長期継続雇用)</b> Tuyển dụng suốt đời(Tuyển dụng liên tục dài hạn)	大きく変わっている Thay đổi nhiều
<b>年功序列型昇進</b> Thăng tiến theo thâm niên công tác	大きく変わっている Thay đổi nhiều
<b>年功序列型賃金</b> Tiền lương theo thâm niên công tác	大きく変わっている Thay đổi nhiều
<b>賞与・一時金</b> Tiền thưởng-Tiền cho trọn gói	大きく変わっている Thay đổi nhiều
<b>企業内組合</b> Công đoàn trong công ty	労使協調的労使関係、日本的経営参加 Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động theo hướng hợp tác, tham gia điều hành kiểu Nhật
<b>全人格評価(総合評価)</b> Đánh giá toàn diện tính cách (Đánh giá tổng hợp)	日本的人事考課の再構築 Sửa đổi cách đánh giá thành tích nhân sự kiểu Nhật
<b>企業内専門家の育成</b> Đào tạo chuyên gia trong công ty	グローバルに通用する専門家の育成 Đào tạo chuyên gia có trình độ quốc tế
<b>継続的現場教育訓練(OJT)</b> Huấn luyện đào tạo liên tục tại nơi làm việc (OJT)	長期的なプロセスの重視 Xem trọng quá trình dài hạn
<b>情報の共有(報連相)</b> Thông tin dùng chung (HORENSO)	朝礼、社内報、ホンダのワイガヤなどの工夫 Tạo cơ hội nêu ý kiến như họp buổi sáng (CHOUREI), báo công ty, WAIGAYA của công ty HONDA
<b>稟議制・根回しの集団合議制</b> Tham khảo ý kiến trước	Management by Concensus (P.F. Drucker)
<b>日本的小集団管理</b> Quản lý nhóm nhỏ kiểu Nhật	QCサークル、ZDサークルなど QC circle, ZD circle...
<b>青壮年男性健全者中心組織</b> Tổ chức chú trọng tới những thanh niên, trung niên khỏe mạnh trong công ty	Work Life Balanceを重視した組織作り Xây dựng tổ chức xem trọng Work Life Balance

## 4. 三現主義と改善

Chủ nghĩa 3 hiện và Cải tiến (KAIZEN)

### (1) 三現主義 Chủ nghĩa 3 hiện

- 現場に行つて      Đi đến hiện trường
- 現物を見て      Nhìn hiện vật
- 現実を知る      Biết hiện thực(thực tế)

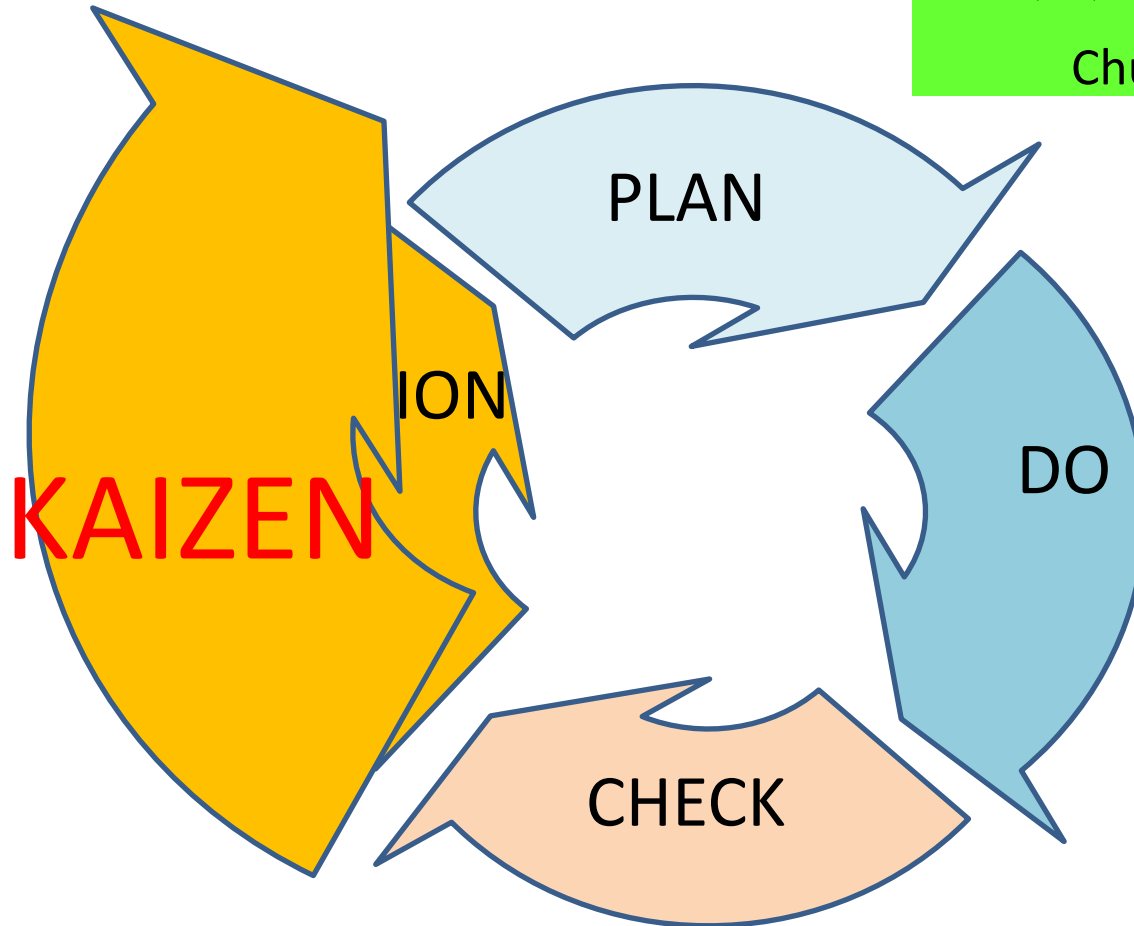
**Liên tục**

## 4. 三現主義と改善

Chủ nghĩa 3 hiện và Cải tiến (KAIZEN)

### (2) PDCA Cycle

Chu trình PDCA



## 5. 日本の長寿企業とその家訓・社訓

Những doanh nghiệp lâu năm tại Nhật và huấn thị trong nội bộ gia tộc/ doanh nghiệp

日本の老舗企業 (Shinise)

Những doanh nghiệp Nhật Bản lâu đời

“Sanpo Yoshi” 三方よし  
『売り手よし、買い手よし、世間よし』

Ba bên được lợi

Lợi cho người bán, lợi cho người mua và lợi cho xã hội.

CSR

(Corporate Social Responsibility)

## 5. 日本の長寿企業とその家訓・社訓

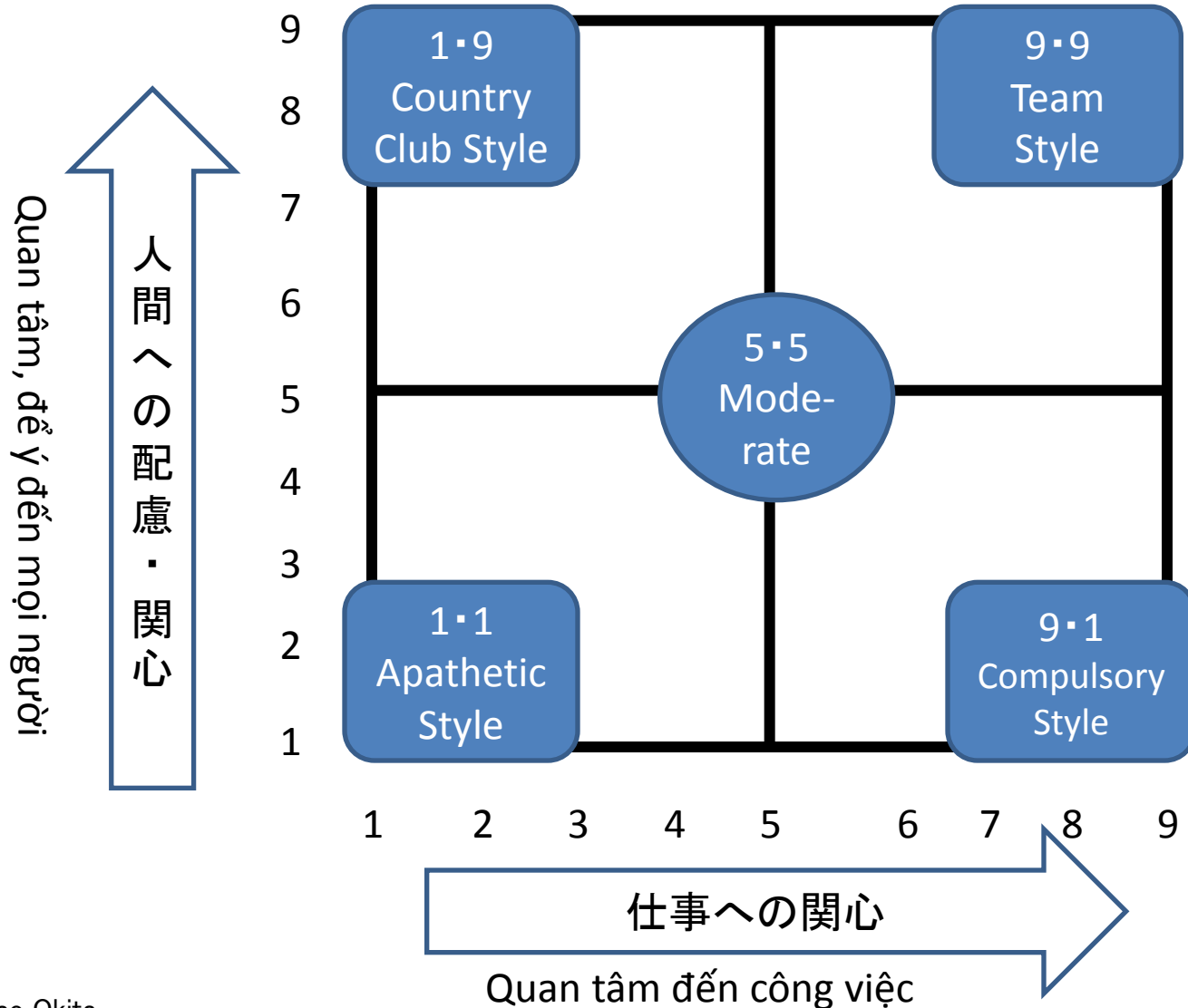
Những doanh nghiệp lâu năm tại Nhật và huấn thị trong nội bộ gia tộc/ doanh nghiệp

- ・ 作り手こそ真の使い手たれ  
Người làm ra là người sử dụng thành thạo
- ・ もの言わぬものにもものを言わせるものづくり  
Làm ra những sản phẩm tự bản thân chúng có “tiếng nói”
- ・ 自身がお客様の立場に立って、お客様に応対すること  
Đặt mình vào vị trí khách hàng khi phục vụ.
- ・ 謙虚、誠実、正直に、商う前に人間として生きる  
Trước khi là một thương nhân hãy là người khiêm tốn, thành thực, chính trực
- ・ 知足      Biết đủ
- ・ 伝統を重んじ、それを継承し、またそれに縛られる事なく、稼業に励むこと  
Xem trọng và kế thừa truyền thống, nhưng không để bị bó buộc, luôn nỗ lực trong kinh doanh

# 6. 日本企業の期待するリーダー像

Hình ảnh lãnh đạo được kỳ vọng trong doanh nghiệp Nhật Bản

Managerial Grid Blake=Mouton Model





## 6. 日本企業の期待するリーダー像

Hình ảnh lãnh đạo được kỳ vọng trong doanh nghiệp Nhật Bản

率先垂範 (Sossen Suihan)

Lãnh đạo luôn gương mẫu đi đầu

## 6. 日本企業の期待するリーダー像

Hình ảnh lãnh đạo được kỳ vọng trong doanh nghiệp Nhật Bản



本田宗一郎 (1906~1991)

Honda Soichiro

- 無駄なやつは一人もいない・・・  
ダイヤモンドも石も同じように大切だ

Không có người nào vô dụng...Kim cương hay hòn đá cũng đều quan trọng như nhau

## 7. 日本企業が求めている人材 Những nhân viên công ty Nhật cần

- 「向上心」のある人 Có tinh thần cầu tiến
- 「責任感」がある人 Có tinh thần trách nhiệm

学生のみなさんに期待すること Những kỳ vọng nơi các bạn sinh viên

- 専門知識を徹底的に習得すること  
Học thật tốt kiến thức chuyên môn
- 一般教養や時事問題に強くなる  
Nắm vững kiến thức văn hóa và những vấn đề thời sự chung
- ビジネスの基本動作を身につける  
Học được tác phong cơ bản khi làm việc
- 何事に対しても常に素直な心で対応する  
Luôn ứng xử chân thật trong bất cứ chuyện gì



ありがとうございました

Cảm ơn